

Số: 419 /QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 07 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tổng thể Dự án cạnh tranh nông nghiệp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 756/QĐ-BNN-KH ngày 19/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể Dự án cạnh tranh nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 3008/QĐ-BNN-KH ngày 20/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tổng thể Dự án cạnh tranh nông nghiệp;

Tiếp theo Quyết định số 1107/QĐ-UB ngày 18/5/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết năm 2009 Dự án cạnh tranh nông nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 185/TTr-SNN ngày 14/02/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 1107/QĐ-UB ngày 18/5/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch tổng thể dự án năm 2009 - 2013:

a) Tổng vốn: 7,333 triệu USD (tương đương 154.000 triệu đồng), trong đó:

- Vốn nước ngoài: 5,661 triệu USD (tương đương 118.882 triệu đồng) bao gồm vốn IDA: 5,606 triệu USD và vốn CIDA: 0,055 triệu USD;

- Vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 0,409 triệu USD (tương đương 8.600 triệu đồng);

- Vốn góp của người hưởng lợi: 1,263 triệu USD (tương đương 26.518 triệu đồng).

b) Chi tiết theo hợp phần:

- Hợp phần A- Tăng cường công nghệ nông nghiệp: 1,195 triệu USD (tương đương 25.100 triệu đồng).

- Hợp phần B- Hỗ trợ Liên minh sản xuất: 2,223 triệu USD (tương đương 46.690 triệu đồng).

- Hợp phần C- Cơ sở hạ tầng thiết yếu: 3,495 triệu USD (tương đương 73.400 triệu đồng).

- Hợp phần D- Quản lý dự án: 0,42 triệu USD (tương đương 8.810 triệu đồng).

Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm.

2. Các nội dung khác của Quyết định số 1107/QĐ-UB không thay đổi.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Lao động- Thương binh và xã hội, Giao thông - Vận tải; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban quản lý Dự án cạnh tranh nông nghiệp tỉnh và thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký. / . *ys*


Nơi nhận :

- BQL các DANN-Bộ NN&PTNT;
- CT, các PCT;
- Như điều 2;
- Lưu: VT, NN, TC;

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm S


**Phụ lục 1: Điều chỉnh kế hoạch tổng thể dự án cạnh tranh nông nghiệp
theo hợp phần**
(Ban hành theo Quyết định số 419 /QĐ-UBND ngày 07/3/2014 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: 1.000 USD

Stt	Hợp phần	Kế hoạch điều chỉnh				
		Tổng số	IDA	CIDA	Việt Nam	Tư nhân
1	Hợp phần A: Tăng cường công nghệ nông nghiệp	1.195	1.182	13		
	A.1 Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ nâng cao khả năng cạnh tranh của ngành nông nghiệp	723	723			
	A.2 Phát triển các phương thức canh tác bền vững	252	252			
	A.3 Giám sát và quản lý dư lượng hóa chất	205	205			
	A. Hỗ trợ kỹ thuật - chuyên gia tư vấn HP A	16	2	13		
2	Hợp phần B: Hỗ trợ liên minh Sản xuất	2.223	952	8		1.263
	B.1 Hỗ trợ thành lập các liên minh sản xuất mới	2.143	880			1.263
	B.2 Nhân rộng các mô hình chuỗi giá trị thành công					
	B.3 Chiến dịch thông tin, tuyên truyền, xây dựng mạng lưới và liên kết đối tác	33	33			
	B.4 Cải thiện môi trường đầu tư ngành nông nghiệp và cung cấp dịch vụ	29	29			
	B. Hỗ trợ kỹ thuật - chuyên gia tư vấn HP B	18	10	8		
3	Hợp phần C: Cơ sở hạ tầng thiết yếu	3.495	3.143	22	330	
	C.1 Cơ sở hạ tầng ưu tiên của địa phương	2.827	2.551	13	262	
	C.2 Cơ sở hạ tầng phục vụ cho liên minh S.xuất	659	590		68	
	C. Hỗ trợ kỹ thuật - chuyên gia tư vấn HP C	10	1	9		
4	Hợp phần D: Quản lý dự án và tăng cường thể chế	420	329	12	79	
	D.1 Quản lý dự án	382	303		79	
	D.2 Giám sát và đánh giá	38	26	12		
	Tổng số	7.333	5.606	55	409	1.263

Tỷ giá quy đổi tạm tính 1 USD = 21.000 VND